

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
GAS ĐÔ THỊ**

Tầng 4, số 167 Trung Kính, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04.37346848 Fax: 04.37346838

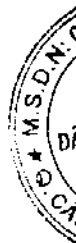
<http://pvgascity.com.vn>



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2015**

Số 17/KĐT-BC

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2016



I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát.

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ**
- Tên Tiếng Anh: **PETROVIETNAM GAS CITY INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **PV GAS CITY**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102349865
- Vốn điều lệ: 188.700.000.000 VND (Một trăm tám tám tỷ bảy trăm triệu đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2015 : 188.700.000.000 VND (Một trăm tám tám tỷ bảy trăm triệu đồng)
- Trụ sở chính: **Tầng 4 - Số 167 Trung kính - Phường Yên Hòa - Cầu Giấy - Hà nội.**
- Điện thoại: 04. 37346848; Fax: 04.37346838
- Website: <http://pvgascity.com.vn>
- Email: info@pvgascity.com.vn
- Mã cổ phiếu: **PCG**
- Logo công ty:



2. Quá trình hình thành và phát triển

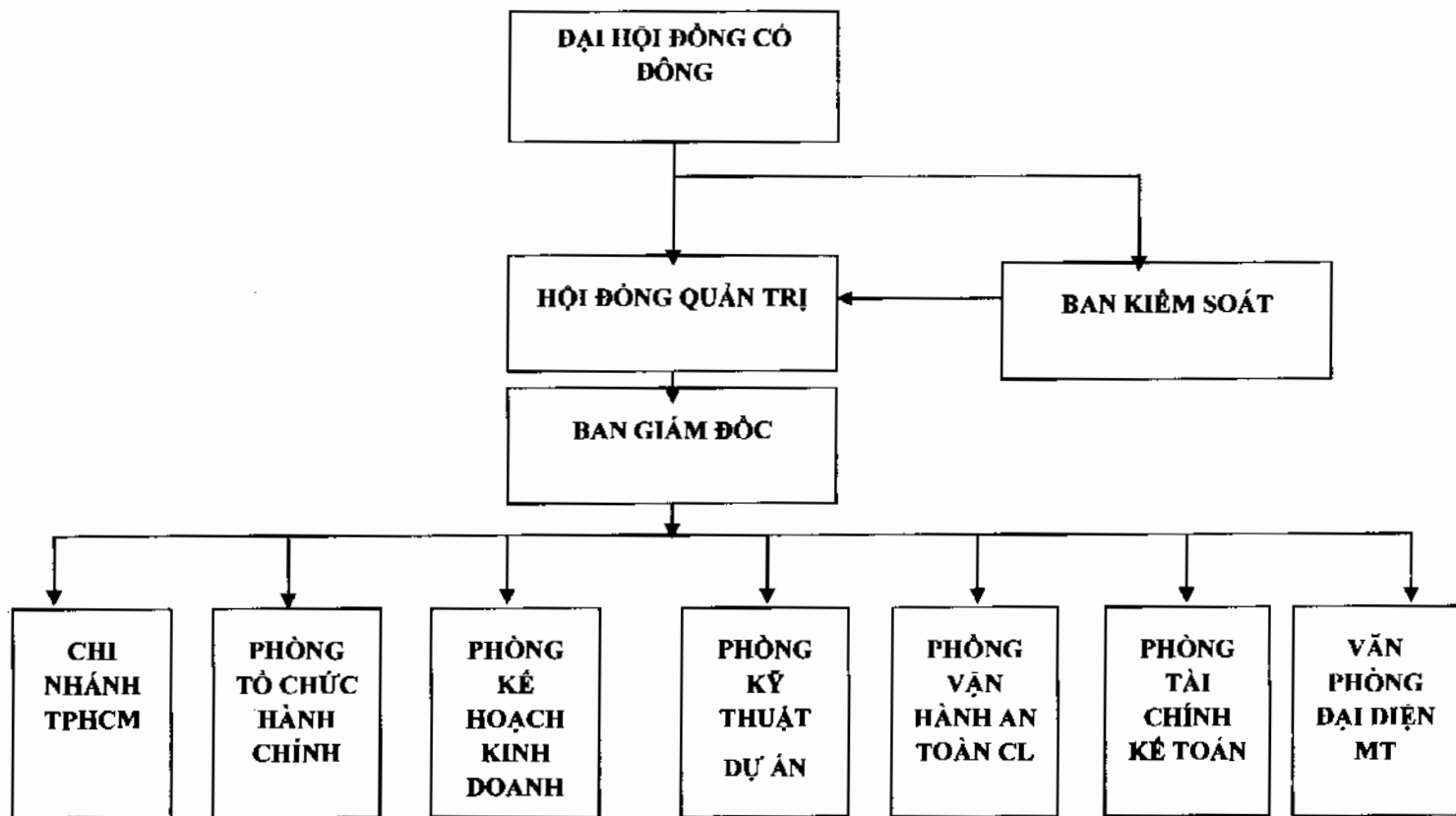
- Thành lập theo nghị quyết số 1877/NQ-DKVN ngày 06/7/2007 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0102349865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/08/2007, sửa đổi lần thứ 13 ngày 13 tháng 01 năm 2015.
- Thời điểm niêm yết: 29/12/2010

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của công ty là kinh doanh các sản phẩm gas. Các hoạt động liên quan đến xây lắp và cung cấp dịch vụ khác cũng là để phục vụ cho việc kinh doanh các sản phẩm gas. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trong báo cáo tài chính 2015 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh sản phẩm gas, xây lắp và cung cấp dịch vụ có liên quan.
- Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào ngoài lãnh thổ Việt Nam.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/

4.1. Mô hình quản trị/



Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị được tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty cổ phần trên cơ sở tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp Việt Nam và các quy định khác của pháp luật.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý.

- Ban Giám đốc điều hành: 03 người
 - + Ông Nguyễn Thành Đôn - Giám đốc
 - + Ông Bùi Xuân Năng - Phó Giám đốc
 - + Ông Phạm Văn Tuynh - Phó Giám đốc
- Các phòng chức năng: Phòng Tổ chức hành chính; Phòng Kỹ thuật dự án; Phòng Tài chính kế toán; phòng Kế hoạch kinh doanh; Phòng vận hành an toàn chất lượng;
- Chi nhánh TP HCM; Văn phòng đại diện Miền Trung.

4.3. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Đẩy mạnh công tác đầu tư, thi công xây lắp trạm cung cấp gas trung tâm cho các khu đô thị, khu chung cư...;
- Củng cố hệ thống khách hàng hiện thời và tích cực tìm kiếm các khách hàng công nghiệp/khu công nghiệp (cung cấp qua hệ thống đường ống) mới để nâng cao sản lượng, doanh thu cho Công ty;
- Xây dựng các trạm nạp CNG/LPG cho các phương tiện giao thông vận tải;

- Nghiên cứu quy hoạch citygas cho các Thành phố hoặc và các khu đô thị lớn của Hà Nội, Tp.Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng;
- Nghiên cứu đa dạng hóa nguồn khí cung cấp bằng đường ống cho các Thành phố và khu đô thị.

5.2. *Chiến lược phát triển trung và dài hạn:*

- Phối hợp với các cơ quan quản lý Nhà nước lập quy hoạch Citygas cho các Thành phố và các khu đô thị lớn của Hà Nội, Tp.Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng
- Đầu tư xây dựng mạng lưới hệ thống cung cấp khí đốt trung tâm cho các khu đô thị lớn, đặc biệt là khí đốt thiên nhiên;
- Nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ vào các công trình khí;
- Phát triển nhiên liệu sạch thân thiện với môi trường theo đúng định hướng phát triển của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng công ty Khí Việt Nam nhằm nâng cao thương hiệu và uy tín của PetroVietnam;
- Công ty chú trọng tập trung lĩnh vực hoạt động sở trường là xây lắp, nhận thầu thi công hệ thống gas trung tâm cho các khu đô thị, công nghiệp qua đó tạo công ăn việc làm cho cán bộ công nhân viên, đồng thời tăng doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động này;
- Sắp xếp lại các Phòng nghiệp vụ nhằm đảm bảo hộ máy tinh giản, đạt hiệu quả cao trong công việc;
- Chuẩn bị đội ngũ cán bộ kế cận bằng việc điều động, luân chuyển cán bộ tại các phòng ban và tại các công trình để từ đó đánh giá được những phẩm chất tốt của CBNV cần phát huy, làm cơ sở bồi dưỡng cán bộ nòng cốt cho Công ty sau này

5.3. *Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.*

- Lập quy hoạch Citygas cho các Thành phố và các khu đô thị lớn để đầu tư xây dựng mạng lưới hệ thống cung cấp khí đốt trung tâm cho các khu đô thị lớn, đặc biệt là khí đốt thiên nhiên;
- Phát triển nhiên liệu sạch thân thiện với môi trường theo đúng định hướng phát triển của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng công ty Khí Việt Nam

6. *Các rủi ro:* (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường.

- Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có thay đổi về giá trong tương lai.
- Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.
- Có thể Gây cháy, nổ, hư hại các hệ thống cấp Gas khi có động đất xảy ra:
- Cháy nổ các chung cư cao tầng có hệ thống cấp gas gây nên cháy, nổ, hư hỏng hệ thống cấp gas

- Hệ thống chính sách, pháp luật của Nhà nước thường trong lĩnh vực hệ thống Gas trung tâm còn chưa đồng nhất, gây khó khăn cho Công ty trong hoạt động kinh doanh, đầu tư xây lắp hệ thống gas trung tâm.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015

Chỉ tiêu	TH 2014	KH 2015	TH 2015	%TH 2015	% TH vs 2014
1. Tổng sản lượng (tấn)	39.964	42.368	50.610	119%	127%
- LPG công nghiệp	39.645	41.906	50.045	119%	126%
- LPG citygas	310	462	565	122%	182%
- LPG autogas	9	-	-	-	0%
2. Ký mới (căn hộ)	286	3.898	1.283	33%	449%
3. Tổng doanh thu (tỷ đồng)	853,272	900,694	663,001	74%	78%
- LPG công nghiệp	792,547	840,009	623,502	74%	79%
- LPG citygas	10,033	12,038	12,968	108%	129%
- LPG autogas	0,258	-	-	-	0%
- Xây lắp	46,032	44,620	23,283	52%	51%
- Khác	4,401	4,028	3,249	81%	74%
4. Giá vốn	823,260	868,466	636,808	73%	77%
5. Chi phí quản lý	28,053	29,423	29,958	102%	107%
6. LN tài chính	11,010	9,538	8,838	93%	80%
7. LN khác	(224)	0	2,080	-	-
-8. LN trước thuế	12,746	12,344	7,153	58%	56%
9. LN sau thuế	9,852	9,628	5,580	58%	56%

- Đánh giá chung:

- o Năm 2015 Công ty đã hoàn thành Kế hoạch về Sản lượng Kinh doanh LPG ở mức độ cao (vượt 19% Kế hoạch);
- o Đưa vào vận hành khai thác mới 8 trạm Citygas cho các Khu Đô thị;
- o Khó khăn trong việc thực hiện kế hoạch doanh thu do CP giảm mạnh;

- Chỉ tiêu sản lượng LPG: đạt 50.610 tấn, vượt KH 19% trong đó :

- o Sản lượng Gas công nghiệp đạt 50.045 tấn vượt KH 19%, ký mới được thêm 02 khách hàng. Trong năm 2015 giá CP ít biến động (trung bình 430\$/tấn) vì vậy khách hàng tuân thủ hợp đồng tốt, thậm trí sản lượng vượt mức ký hợp đồng.
- o Sản lượng LPG citygas vượt KH 22%, vận hành 42 trạm trên cả nước (tăng thêm 08 trạm so với 2014) với tổng số gần 5000 căn hộ. Trong năm công ty đã tích cực làm việc với BQL các tòa nhà về việc không khuyến khích cho cư dân sử dụng bình

12kg, đồng thời hỗ trợ thu hồi bình 12kg cũng như thực hiện chính sách khuyến mãi 5% giá với những hộ dân mới sử dụng gas trung tâm. Đẩy mạnh tuyên truyền và giới thiệu lợi ích Hệ thống gas trung tâm tại các dự án mới đưa vào vận hành, kiểm toán công tác dịch vụ và chăm sóc khách hàng nhằm phục vụ khách hàng nhanh nhất, đảm bảo an toàn tuyệt đối trong mọi tình huống.

Tuy nhiên trong lĩnh vực kinh doanh Citygas, Công ty gặp rất nhiều khó khăn dẫn ảnh hưởng đến sự phát triển lâu dài như: Tại các Khu đô thị ở Việt Nam đều không có quy hoạch sử dụng khí đốt nên các Chủ đầu tư không có chủ trương đầu tư sử dụng hệ thống gas trung tâm. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh xây lắp của Công ty do đó gián tiếp ảnh hưởng đến số lượng căn hộ sử dụng Gas; Người dân tại các khu chung cư ngày càng có xu hướng sử dụng năng lượng điện hơn sử dụng năng lượng gas do giá gas và giá điện không có sự chênh lệch nhiều

- Sản lượng xây lắp: Kỳ mới được 1.283 căn hộ, đạt 33% kế hoạch. Nguyên nhân vẫn do thị trường bất động sản đang phục hồi rất chậm, hành lang pháp lý hạ tầng cấp khí đốt cho các tỉnh, thành phố còn chưa hoàn thiện dẫn đến việc xây dựng hệ thống gas trung tâm gặp không ít khó khăn, kéo dài.
- Chi tiêu tài chính
 - o Doanh thu: đạt 663,001 tỷ đồng đạt 74% KH trong đó: Doanh thu LPG công nghiệp đạt 74% KH chiếm 93% tổng doanh thu. Doanh thu Citygas: vượt KH 8%, đạt 12,968 tỷ; Doanh thu xây lắp: đạt 23,283 tỷ đồng đạt 52% KH. Doanh thu khác (kho Đình Vũ): đạt 81% KH do công ty ngừng hoạt động tại kho Đình Vũ từ tháng 11/2015
 - o Giá vốn: 636,808 tỷ đồng, giảm 27% so với kế hoạch
 - o Chi phí quản lý và bán hàng: thực hiện 29,958 tỷ đồng, tăng 2% so với kế hoạch. Các khoản mục giảm so với KH bao gồm: chi phí hành chính, ô tô, công tác phí, quảng cáo hội nghị; các khoản mục tăng so với KH bao gồm khấu hao TSCD (do đưa thêm 08 trạm citygas vào khai thác vận hành), hoàn nhập nợ phải thu khó đòi giảm, chi phí thuế hệ thống citygas.
 - o Lãi gộp thực hiện được 26,194 tỷ đồng trong đó 83% từ nguồn kinh doanh gas, 14% từ kinh doanh xây lắp và 3% còn lại từ nguồn kinh doanh khác
 - o Lợi nhuận tài chính: đạt 8,838 tỷ đồng, giảm 7% so với kế hoạch chủ yếu lãi suất ngân hàng giảm (5.27% so với KH 5.5%)
 - o Lợi nhuận khác là 2,080 tỷ đồng bao gồm các khoản hoàn nhập bảo hành công trình từ các dự án
 - o Lợi nhuận trước thuế: đạt 7,153 tỷ đồng, đạt 58% kế hoạch.
 - o Lợi nhuận sau thuế: đạt 5,580 tỷ đồng, đạt 58% kế hoạch.

2. Tổ chức và nhân sự/

2.1. Ban điều hành

2.1.1. Ông Nguyễn Thành Đôn

- o Ngày sinh: 30/11/1960
- o Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- o Quê quán: Sơn Lẽ, Hương Sơn, Hà Tĩnh
- o Địa chỉ thường trú: 2111, khu đô thị mới Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

- Số CMND: 011678706 do Công an Hà Nội cấp ngày 12/08/2008
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thiết bị dầu khí, Kỹ sư QTDN
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/1987 - 04/1990	Viện Dầu khí Việt Nam	Kỹ sư
04/1990 - 03/1993	Công ty Dung dịch khoan và hoá phẩm Dầu khí	Kỹ sư
03/1993 - 06/1996	Công ty Dung dịch khoan và hoá phẩm Dầu khí (làm việc tại Công ty IDF và Dowell Schlumberger)	Kỹ sư
06/1996 - 08/1999	Công ty liên doanh khí hoá lỏng Thăng Long	Phó TGD
08/1999 - 08/2002	Công ty liên doanh khí hoá lỏng Thăng Long	Tổng giám đốc
08/2002 - 03/2005	Công ty liên doanh khí hoá lỏng Thăng Long	Phó TGD
03/2005 - 07/2005	Công ty liên doanh khí hoá lỏng Thăng Long	Tổng giám đốc
07/2005 - 01/2010	Công ty TNHH liên doanh khí hoá lỏng Thăng Long	Phó TGD
2010 - 05/2012	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị	Chủ tịch HĐQT
05/2012 đến nay.	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị	Giám đốc

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 2.900 cổ phần

2.1.2. Ông Bùi Xuân Năng

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 15/11/1974
- Nơi sinh: Hà Tây
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thường Tín - Hà Tây
- Địa chỉ thường trú: 281/17 Tam Trinh, Hoàng Mai, Hà Nội
- Số CMND: 011772605 do Công an Hà Nội cấp ngày 03/07/2008
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Lọc hoá dầu
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/1996 - 11/2001	Công ty chế biến và kinh doanh các sản phẩm khí	Chuyên viên
12/2001 - 05/2006	Ban Chế biến, Tập đoàn Dầu khí QG Việt nam	Chuyên viên
06/2006 - 01/2008	Ban Chế biến, Tập đoàn Dầu khí QG Việt nam	Phó phòng Dự án
02/2008 - Nay	Công ty cổ phần đầu tư Phát triển Gas Đô thị	Phó Giám đốc

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: Không

2.1.3. Ông Phạm Văn Tuynh

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 01/01/1976
- Nơi sinh: Hưng Yên Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Tiên Lữ, Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: Số 15, ngõ Hoà Bình 4, Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Số CMND: 012939589 do Công an Hà Nội cấp ngày 15/03/2007
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy xây dựng và xếp dỡ
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
05/2003 - 12/2005	Công ty TNHH Thương mại Trần Hồng Quân	Cán bộ Kỹ thuật
01/2006 - 12/2006	Công ty TNHH Thương mại Trần Hồng Quân	Phó giám đốc
09/2007 - 01/2008	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị	Chuyên viên
02/2008 - 09/2008	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị	Trưởng phòng KT
10/2008 - Nay	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị	Phó Giám đốc

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: Không

2.2. Kế toán trưởng

- Bà Đặng Thái Hà
- Ngày tháng năm sinh: 10/11/1977
- Học vấn chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán
- Địa chỉ thường trú: 13 ngách 14 Ngõ 639 Hoàng Hoa Thám – Phường Vĩnh Phúc – Quận Ba Đình – Hà Nội
- Số CMND: 011875446 do Công an Hà Nội cấp ngày 19/11/2008
- Chứng chỉ hành nghề: Kế toán trưởng ; Dịch vụ thuế
- Quá trình công tác, kinh nghiệm

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1999 - 2000	Nhân viên kế toán	Công ty phát triển công nghệ thông tin AIC
2000 - 2007	Nhân viên kế toán	Công ty CP Bánh kẹo HảiHà
2007 - 2008	Nhân viên kế toán	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị
2008 - 11/2010	Phó phòng TCKT	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị
11/2010 - đến nay	Kế toán trưởng	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: Không

2.3. Những thay đổi trong điều hành

- Trong năm 2015, Công ty không thay đổi nhân sự trong ban điều hành.

2.4. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

- Đến 31/12/2015, tổng số cán bộ nhân viên 103 người;
- Đảm bảo việc ký hợp đồng lao động, trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội bảo hiểm thất nghiệp và các quyền lợi khác của người lao động theo đúng các quy định của pháp luật;
- Thực hiện đúng các chế độ lương thưởng các dịp lễ tết cho người lao động theo quy định của Công ty và pháp luật;

- Mức lương cho người lao động đảm bảo phù hợp với mặt bằng chung và tình hình thị trường. Thu nhập bình quân năm 2015, đạt 10,9 triệu/người/tháng;
- Thực hiện đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và đào tạo nội bộ cho 278 lượt người, đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ: 138 lượt người (bao gồm đào tạo theo yêu cầu pháp luật...);
- Chi phí đào tạo: 119 triệu đồng. Đảm bảo người lao động có đầy đủ chứng chỉ, chứng nhận theo yêu cầu của pháp luật.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Các khoản đầu tư lớn: Trong năm 2015, Công ty triển khai, giải ngân các dự án như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Tên dự án	Giải ngân		Công việc triển khai
	KH	TH	
Tổng	0,781	1,746	
Dự án Cung cấp hệ thống gas trung tâm cho KĐT Usilk City	0,781	0,661	Phê duyệt điều chỉnh dự án, thi công lắp đặt GD1
Hệ thống cung cấp gas trung tâm LPG cho khu đô thị Dương Nội	-	0,059	Tại thời điểm lập KH 2015, các dự án này hoàn thành quyết toán trong năm 2014 nhưng thực tế thi công kéo dài. Đã hoàn thành quyết toán trong năm 2015
Hệ thống cung cấp gas trung tâm LPG cho khu đô thị CT3 Cổ Nhuế	-	0,270	
CT1.2 Ngô Thi Nhâm	-	0,034	
Hệ thống cấp gas cho khu đô thị Cầu Bươu	-	-25	
Trạm cấp gas trung tâm khu đô thị Vĩnh Diêm Trung- Thành phố Nha Trang với Vinaconex UPGC	-	0,436	Đang triển khai
Trạm cấp LPG trung tâm trạm R15 & R18 - KĐT PMH	-	0,309	Hoàn thành quyết toán, bắt đầu cấp gas

- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	357,527,137,273	353,533,775,335	-1.1%
2	Doanh thu thuần	853,272,177,100	663,001,342,760	-22.3%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	12,969,516,985	5,072,993,542	-60.9%
4	Lợi nhuận khác	-223,780,591	2,080,431,623	1029.7%
5	Lợi nhuận trước thuế	12,745,736,394	7,153,425,165	-43.9%
6	Lợi nhuận sau thuế	9,851,551,652	5,579,671,629	-43.4%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	515	178	-65.4%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
	Hệ số thanh toán ngắn hạn ((TSNH/Nợ NH)	2.42	2.34
	Hệ số thanh toán nhanh ((TSNH-Hàng tồn kho)/Nợ NH)	2.26	2.22
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.39	0.40
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.64	0.66
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn BH/hàng tồn kho BQ)	25.85	26.46
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2.39	1.88
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần	0.01	0.01
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu	0.05	0.03
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	0.03	0.02
	Hệ số Lợi nhuận từ HĐSXKD/Doanh thu thuần	0.02	0.01

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 18.870.000 cổ phần (Mười tám triệu tám trăm bảy mươi)
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 18.870.000

5.2. Cơ cấu cổ đông: Theo danh sách chốt ngày 25/5/2015

TT	Phân loại cổ đông	SL cổ đông	Tổng số cổ phần	Tỷ lệ/VĐL (%)
1	Cổ đông lớn	2	14.982.000	79,40
	Cổ đông nhỏ	1356	3.888.000	20,60
2	Cổ đông tổ chức	14	16.265.772	86,2
	Cổ đông cá nhân	1344	2.604.228	13,8
3	Cổ đông trong nước	1341	9.624.100	51,00
	Cổ đông nước ngoài	17	9.245.900	49,00
4	Cổ đông nhà nước	0	0	0
	Cổ đông khác	1358	18.870.000	100

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu. Không có

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không có

- Báo cáo tỉ lệ phân trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có
- 6.2. *Tiêu thụ năng lượng/*
- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:
 - o Điện phục vụ cho hoạt động văn phòng (6.214KWh/tháng), điện tại các trạm (binh quân 10-30KWh/trạm/tháng, sử dụng chủ yếu cho chiếu sáng /chạy báo rògas, báo cháy)
 - o Xăng cho ô tô 1.580 lit/tháng; dầu 280,5 lit/tháng
 - Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có
 - Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/: không có
- 6.3. *Tiêu thụ nước:* (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm): Không đáng kể do hoạt động SXKD không sử dụng nước, nước chỉ dùng cho sinh hoạt VP (102 CBNV, VP hạng B) .
- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: nguồn cung cấp nước là nước máy, lượng tiêu thụ trung bình 200 m3/tháng
 - Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng : không có
- 6.4. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường*
- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có
 - Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có
- 6.5. *Chính sách liên quan đến người lao động*
- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: Đến 31/12/2015, tổng số cán bộ nhân viên 103 người; Thu nhập bình quân ước đạt: 10,9 triệu/người/tháng
 - Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/. Công tác an toàn, bảo hộ lao động được chú trọng, các CBNV làm việc tại các bộ phận có yêu cầu nghiêm ngặt về bảo hộ, trang thiết bị lao động đều được Công ty cấp phát và trang bị đầy đủ. 100% CBNV công ty được khám sức khỏe định kỳ hàng năm; được Công ty mua bảo hiểm tự nguyện ...
 - Hoạt động đào tạo người lao động: Thực hiện đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và đào tạo nội bộ cho 278 lượt người, đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ: 138 lượt người (bao gồm đào tạo theo yêu cầu pháp luật...); Chi phí đào tạo: 119 triệu đồng. Đảm bảo người lao động có đầy đủ chứng chỉ, chứng nhận theo yêu cầu của pháp luật.
- 6.6. *Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương*
- Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Không có

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:
Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2015, Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh LPG do giá dầu giảm mạnh và giảm liên tục (chỉ bằng 50% kế hoạch), cùng với thị trường bất động sản hồi phục rất chậm, các cơ quan quản lý Nhà nước chưa có hướng dẫn, quy hoạch về phát triển hệ thống gas trung tâm. Đây là những yếu tố hoàn toàn khách quan ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của Công ty trong thời gian ngắn hạn lẫn chiến lược phát triển trong tương lai.

Tuy nhiên, năm 2015, Công ty cũng đã đạt được những kết quả khả quan như sau:

- Tổng sản lượng kinh doanh LPG vượt kế hoạch 19%. Lãi gộp/tần vượt 3% kế hoạch. Đặc biệt mở rộng được thêm 02 nhà phân phối gas công nghiệp cùng với việc đưa thêm 08 trạm citygas vào vận hành khai thác (KH 05 trạm).
- Ký mới 04 dự án sử dụng hệ thống gas trung tâm ở các khu đô thị với tổng số 1.283 căn hộ.
- Tiết giảm chi tiêu ở mức tối thiểu tất cả các khoản mục đã được phê duyệt, tuy nhiên do hoàn nhập nợ phải thu khó đòi giảm cùng với chi phí khấu hao TSCĐ tăng (đưa thêm 08 trạm vào khai thác) nên chi phí quản lý & bán hàng tăng 2% so với kế hoạch

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2014 (Phân loại lại)	Năm 2015	So sánh với kỳ trước	
			Giá trị chênh lệch so	% chênh lệch
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	328,727,476,335	324,038,519,730	(4,688,956,605)	-1.43%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	93,701,993,997	99,463,918,126	5,761,924,129	6.15%
1. Tiền	10,681,993,997	11,883,918,126	1,201,924,129	11.25%
2. Các khoản tương đương tiền	83,020,000,000	87,580,000,000	4,560,000,000	5.49%
II. Các khoản đầu tư TC ngắn hạn	93,091,515,486	90,846,488,596	(2,245,026,890)	-2.41%
1. Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
2. Dự phòng giảm giá CK kinh doanh	-	-	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	93,091,515,486	90,846,488,596	-2,245,026,890	-2.41%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	118,142,314,465	117,983,167,167	(159,147,298)	-0.13%
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	114,637,358,270	113,964,167,380	(673,190,890)	-0.59%
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	617,882,621	700,701,303	82,818,682	13.40%
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-	-
4. Phải thu theo tiến độ KII HĐ XD	-	-	-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	3,031,583,015	3,319,167,721	287,584,706	9.49%
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(146,520,041)	(869,237)	145,650,804	-99.41%
8. Tài sản Thiểu chờ xử lý	2,010,600	-	(2,010,600)	-100.00%
IV. Hàng tồn kho	21,916,292,881	15,454,218,979	(6,462,073,902)	-29.49%
1. Hàng tồn kho	21,916,292,881	15,454,218,979	-6,462,073,902	-29.49%
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	1,875,359,506	290,726,862	(1,584,632,644)	-84.50%
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	1,783,719,352	290,726,862	(1,492,992,490)	-83.70%
2. Thuế GTGT được khấu trừ	24,083,353	-	(24,083,353)	-100.00%
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	67,556,801	-	(67,556,801)	-100.00%
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu CP	-	-	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-	-

Chỉ tiêu	Năm 2014 (Phân loại lại)	Năm 2015	So sánh với kỳ trước	
			Giá trị chênh lệch so	% chênh lệch
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	28,799,660,938	29,495,255,605	695,594,667	2.42%
I. Các khoản phải thu dài hạn	2,011,940,124	1,849,926,066	(162,014,058)	-8.05%
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	8,219,794,224	7,802,353,101	(417,441,123)	-5.08%
2. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-	-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	-	-	-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	-	-	-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	-	-	-	-
6. Phải thu dài hạn khác	90,995,872	90,995,872	-	0.00%
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(6,298,849,972)	(6,043,422,907)	255,427,065	-4.06%
II. Tài sản cố định	3,149,498,827	9,085,087,848	5,935,589,021	188.46%
1. Tài sản cố định hữu hình	2,957,385,924	8,957,474,945	6,000,089,021	202.88%
- Nguyên giá	8,783,428,831	14,155,178,074	5,371,749,243	61.16%
- Giá trị hao mòn lũy kế	(5,826,042,907)	(5,197,703,129)	628,339,778	-10.79%
2. Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-	-
- Nguyên giá	-	-	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	192,112,903	127,612,903	(64,500,000)	-33.57%
- Nguyên giá	428,280,000	428,280,000	-	0.00%
- Giá trị hao mòn lũy kế	(236,167,097)	(300,667,097)	(64,500,000)	27.31%
III. Bất động sản đầu tư	-	-	-	-
- Nguyên giá	-	-	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	8,946,268,312	2,432,247,830	(6,514,020,482)	-72.81%
1. Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	-	-	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8,946,268,312	2,432,247,830	(6,514,020,482)	-72.81%
V. Đầu tư tài chính dài hạn	547,601,496	408,438,645	(139,162,851)	-25.41%
1. Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-
2. Đầu tư vào công ty LK, liên doanh	-	-	-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	547,601,496	408,438,645	(139,162,851)	-25.41%
VI. Tài sản dài hạn khác	14,144,352,179	15,719,555,216	1,575,203,037	11.14%
1. Chi phí trả trước dài hạn	14,144,352,179	15,719,555,216	1,575,203,037	11.14%
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	-	-	-	-
3. Thiết bị, VT, PT thay thế dài hạn	-	-	-	-
4. Tài sản dài hạn khác	-	-	-	-
5. Lợi thế thương mại	-	-	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	357,527,137,273	353,533,775,335	(3,993,361,938)	-1.12%

- Các khoản tương đương tiền phản ánh số dư tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi.
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và thời hạn thu hồi dưới 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn thu hồi trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.
- Tài sản ngắn hạn năm 2015 giảm 1.43% so với năm 2014 chủ yếu là do Hàng tồn kho giảm. Trong đó, Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang giảm từ 10.823.951.574 đồng xuống còn 4.937.034.596 đồng là do các dự án mà công ty tham gia với tư cách nhà thầu được quyết toán ghi nhận doanh thu trong kỳ.
- Nợ phải thu cả ngắn hạn và dài hạn tại 31.12.2015 cũng giảm so với cùng kỳ năm ngoái. Các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cũng giảm do công ty thu hồi được một phần công nợ đã trích lập dự phòng.
- Hiện nay công ty có một số khoản nợ xấu của các khách hàng:

TT	Đối tượng	Năm 2014	Năm 2015	Chênh lệch
1	Công ty CP Bê tông và XD Xuân Mai	4,955,416,998	405,416,998	(4,550,000,000)
2	Công ty TNHH TM và DV khí đốt Nam Việt	2,390,138,917	2,390,138,917	-
3	Công ty CP ĐT&PT Năng lượng Hà Nội	819,102,549	819,102,549	-
4	Các khách hàng khác	543,535,895	560,592,094	17,056,199

- Các trạm cấp gas được công ty đầu tư xây dựng từ các năm trước hoàn thành đưa vào sử dụng làm cho Tài sản cố định hữu hình tăng từ 2,957,385,924 đồng lên 8,957,474,945 đồng trong năm 2015.
- Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước hao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.
- Khoản trả trước tiền thuê văn phòng phản ánh chi phí thuê 508m2 văn phòng tại tầng 4, tòa nhà Viện Dầu Khí, số 167 Trung Kính Yên, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 50 năm tính từ năm 2010. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.
- Trong Chi phí trả trước dài hạn, Tiền thuê văn phòng tại Tòa nhà Viện dầu khí chiếm 99% (15.590.788.256 đồng).

2.2. Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2014 (Phân loại lại)	Năm 2015	So sánh với kỳ trước	
			Giá trị CL	% CL
C. NỢ PHẢI TRẢ	140,096,381,851	140,213,979,809	117,597,958	0.08%
I. Nợ ngắn hạn	135,642,368,559	138,694,787,080	3,052,418,521	2.25%
1. Phải trả người bán ngắn hạn	124,110,666,384	18,481,573,769	(5,629,092,615)	-4.54%
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1,754,122,980	2,376,641,614	622,518,634	35.49%
3. Thuế và các khoản phải nộp NN	401,626,079	1,980,471,206	1,578,845,127	393.11%
4. Phải trả người lao động	2,410,803,088	1,702,559,810	(708,243,278)	-29.38%
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	1,360,310,191	236,843,272	(1,123,466,919)	-82.59%
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	-	-	-	-
7. Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng XD	-	-	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	102,089,545	128,216,143	26,126,598	25.59%
9. Phải trả ngắn hạn khác	3,531,576,138	7,731,276,787	4,199,700,649	118.92%
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	1 326 389 362	3,714,349,279	2,387,959,917	180.03%
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	644,784,792	2,342,855,200	1,698,070,408	263.35%
13. Quỹ bình ổn giá	-	-	-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu CP	-	-	-	-
II. Nợ dài hạn	4,454,013,292	1,519,192,729	(2,934,820,563)	-65.89%
1. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	-	-	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	-	-	-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	-	-	-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	372,653,168	-	(372,653,168)	100.00%
7. Phải trả dài hạn khác	22,590,000	66,214,307	43,624,307	193.11%
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	-	-	-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	4 058 770 124	1,452,978,422	(2,605,791,702)	-64.20%
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	-	-	-

- Trong các khoản nợ phải trả ngắn hạn thì phải trả người bán chiếm tỷ trọng lớn nhất (85%). Trong đó, nợ phải trả cho Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP – Công ty kinh doanh sản phẩm khí là 110.703.264.923 đồng.
- Các khoản phải trả khác bao gồm các khoản như:
 - o Vay mượn LPG: 5,387,672,546 đồng
 - o Phải trả cổ tức: 1,395,655,285 đồng
 - o Kinh phí công đoàn: 183,648,013 đồng
 - o Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn: 359,924,000 đồng
 - o Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn: 66,214,307 đồng
 - o Phải trả khác: 404,376.943 đồng
- Dự phòng phải trả là dự phòng bảo hành công trình, là ước tính chính xác nhất của công ty về khoản nợ phải trả cho thời hạn bảo hành mà công ty áp dụng dựa trên cơ sở thống kê của công ty về xác suất các công trình xây dựng phát sinh lỗi phải bảo hành.
 - o Tại ngày 1/1/2015: 5,385,159,486 đồng
 - o Trích lập bổ sung trong năm: 2,167,698,984 đồng
 - o Hoàn nhập dự phòng: (1,976,895,223) đồng
 - o Các khoản dự phòng đã sử dụng: (408,635,546) đồng
 - o Tại 31/12/2015: 5,167,327,701 đồng
- Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng chia cho các cổ đông.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Duy trì Hệ thống quản lý tích hợp ATCLMT.
- Hệ thống các quy trình, quy định được rà soát, cập nhật để đáp ứng công tác quản lý, điều hành của ban lãnh đạo Công ty. Trong năm, Công ty đã Ban hành lại 73/96 quy trình đang có hiệu lực trong năm 2015, để kịp thời phục vụ hoạt động sản xuất của Công ty

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Đẩy mạnh công tác đầu tư, thi công xây lắp trạm cung cấp gas trung tâm cho các khu đô thị, khu chung cư...;
- Củng cố hệ thống khách hàng hiện thời và tích cực tìm kiếm các khách hàng công nghiệp/khu công nghiệp (cung cấp qua hệ thống đường ống) mới để nâng cao sản lượng, doanh thu cho Công ty;
- Xây dựng các trạm nạp CNG/LPG cho các phương tiện giao thông vận tải;
- Nghiên cứu quy hoạch citygas cho các Thành phố hoặc và các khu đô thị lớn của Hà Nội, Tp.Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng;

- Nghiên cứu đa dạng hóa nguồn khí cung cấp bằng đường ống cho các Thành phố và khu đô thị.
- 5. **Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có):** Không có
- 6. **Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/**
 - 6.1. **Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải.....)**
 - Các chỉ tiêu tiêu thụ nước, điện, xăng dầu của Công ty đang ở mức trung bình;
 - Công ty có khí phát thải ra môi trường qua việc sử dụng ô tô Công ty
 - 6.2. **Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.**
 - 100% CBNV được bố trí việc làm đầy đủ, phù hợp với chuyên môn, được công ty tham gia đóng BHXH đầy đủ và mua bảo hiểm tự nguyện;
 - Công ty thực hiện trả lương cho người lao động theo đúng quy chế trả lương, đảm bảo trả lương đúng thời hạn;
 - Công ty quan tâm, chăm lo đến đời sống tinh thần và vật chất của người lao động: các ngày lễ, tết, 8/3; 20/10, thành lập Công ty đều được công ty tổ chức để nhằm mục đích gắn kết người lao động; Các tổ chức đoàn thể: Công đoàn, đoàn thanh niên phối hợp với chính quyền thường xuyên thăm hỏi các CBNV khi ốm đau nhằm động viên, chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống
 - 6.3. **Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:**
Không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.**
 - Năm 2015, Công ty vẫn gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế và sự hồi phục rất chậm của thị trường bất động sản. Đối mặt với những khó khăn đó, tập thể CBCNV Công ty đã nỗ lực, cố gắng tập trung đẩy mạnh công tác sản xuất kinh doanh, trên tất cả các mặt hoạt động như: Mở rộng tìm kiếm khách hàng LPG công nghiệp; có chiến dịch tuyên truyền về lợi ích của hệ thống gas trung tâm để phát triển khách hàng LPG citygas; hoàn thành quyết toán các hợp đồng xây lắp hệ thống gas; đảm bảo vận hành hệ thống citygas an toàn, hiệu quả, không có các hoạt động làm ảnh hưởng không phù hợp với môi trường và xã hội
2. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**
 - Ban giám đốc Công ty đã thực hiện nghiêm túc Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị ngay từ đầu năm, Ban giám đốc Công ty đã triển khai các biện pháp nhằm thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh như:
 - o Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình đã ký hợp đồng, quyết toán các hợp đồng đã thi công xong;
 - o Tìm kiếm khách hàng LPG công nghiệp; phát triển khách hàng citygas tại các dự án có hệ thống gas Trung tâm;
 - o Tăng cường công tác phát triển dự án, tiết kiệm chi phí quản lý....

- Trong công tác quản lý điều hành, Ban giám đốc đã phân giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban giám đốc, trực tiếp phụ trách các mảng hoạt động và các đơn vị trong Công ty theo nguyên tắc toàn diện và chịu trách nhiệm đến cùng các vấn đề được giao, trên cơ sở tuân thủ các quy định của Công ty và pháp luật.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Năm 2016 với những cơ hội và thách thức mới, để giữ vững và phát triển nâng cao hiệu quả SXKD, Hội đồng quản trị Công ty sẽ tập trung chỉ đạo vào các lĩnh vực sau:
 - o Chỉ đạo phân tích, đánh giá kết quả hoạt động SXKD năm 2015, để có các biện pháp phù hợp cho năm 2016 nhằm đạt kết quả kinh doanh tốt nhất;
 - o Chỉ đạo triển khai kế hoạch SXKD năm 2016 nhằm đạt KH đã đặt ra;
 - o Kiện toàn lại bộ máy quản lý cho phù hợp với tình hình mới để thực hiện thắng lợi kế hoạch SXKD năm 2016;
 - o Tăng cường công tác phát triển dự án citygas, mở rộng khách hàng sử dụng gas trung tâm tại các căn hộ của các dự án đã đưa trạm gas vào vận hành khai thác; tìm kiếm thêm khách hàng LPG công nghiệp; tập trung nguồn lực để quyết toán các hợp đồng xây lắp theo hợp đồng đã ký kết; phát triển dự án citygas.
 - o Rà soát, điều chỉnh lại các quy định quy chế phù hợp với tình hình SXKD;

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2015 có 5 thành viên, trong đó số thành viên độc lập là 01, thành viên không điều hành là 04.

T T	Họ và tên	Chức vụ		Số lượng CP SH		Chức vụ tại TC khác
				Số lượng	Tỷ lệ	
1	Văn Tuấn Anh	CT HĐQT	TV Không ĐH	119.000	0.63%	
2	Cheung Yipsang	PCT HĐQT	TV Không ĐH			Tổng giám đốc điều hành của tập đoàn ENN, Trung Quốc
3	Nguyễn Thành Đơn	UV HĐQT	TV điều hành	2.900	0.02%	
4	Liu Yongxin Michael	UV HĐQT	TV Không ĐH			Phó Tổng giám đốc điều hành của tập đoàn ENN, Trung Quốc
5	Nguyễn Đức Dân	UV HĐQT	TV độc lập, không ĐH			Phó tổng Công ty CP ĐTPT Đô thị và KCN Sông Đà

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Năm 2015, HĐQT công ty đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật. HĐQT có chỉ đạo kịp thời đối với công tác lãnh đạo quản lý,

điều hành của Ban Giám đốc; thường xuyên bám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua các cuộc họp định kỳ của HĐQT, cụ thể:

- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc trong việc thực hiện Công tác tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2015; Giám sát việc chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc; Việc triển khai các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.
- Chỉ đạo, quyết định việc giải thể CNVT và 02 địa điểm kinh doanh thuộc CNVT.
- Công tác quản lý đầu tư và việc triển khai các dự án xây lắp hệ thống gas Trung tâm;
- Việc bám sát các cơ quan quản lý Nhà nước để ban hành chính sách liên quan đến quy hoạch hệ thống gas Trung tâm; Việc tuyển dụng, sử dụng, lao động và thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của Công ty và pháp luật.
- Chủ tịch HĐQT thường xuyên tham gia họp giao ban nhằm cập nhật tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Năm 2015, HĐQT công ty tổ chức 03 cuộc họp HĐQT, và xin ý kiến bằng văn bản, nội dung các cuộc họp và kết quả họp và xin ý kiến như sau :

Stt	Ngày họp/ ý kiến	Nội dung/KQ	
		Nội dung	Kết quả
1	28/01/2015	- Trình giải thể Chi nhánh Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas đô thị tại Vũng Tàu và 02 địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh Vũng Tàu	5/5 đồng ý
		- Giao Ban điều hành Công ty tiến hành thủ tục giải thể Chi nhánh và các địa điểm kinh doanh	
2	23/3/2015	- Trình thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014	5/5 đồng ý
		- Phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2014	
		- Phê duyệt KHKD, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2015	
		- Trình hủy thiết bị văn phòng	
		- Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015, Giao Ban Giám đốc Công ty thực hiện.	
3	16/4/2015	- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý I năm 2015	5/5 ghi nhận
		- Triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2015;	5/5 đồng ý
4	05/8/2015	- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2015, kế hoạch 6 tháng cuối năm	5/5 ghi nhận
		- Trình nhận chuyển nhượng QSD đất để xây dựng trạm cấp gas trung tâm của dự án Vĩnh Điện Trung Nha Trang	5/5 đồng ý
		- Báo cáo định hướng xây dựng KHKD 2016;	5/5 ghi nhận
5	15/10/2015	- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm và kế hoạch Quý 4 năm 2015	5/5 ghi nhận
		Báo cáo về việc xây dựng KHKD 2016;	5/5 ghi nhận, giao GD điều chỉnh

1.4. *Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.* Thường xuyên tham gia các cuộc họp và cập nhật tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để kịp thời nắm bắt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để có ý kiến kịp thời đối với các mặt hoạt động của Công ty nói chung và công tác lao động, tiền lương nói riêng.

1.5. *Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.* Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

- o Ông Văn Tuấn Anh - Chủ tịch HĐQT, tham dự khóa đào tạo Quản trị tài chính dành cho cán bộ quản lý doanh nghiệp:
- o Ông Nguyễn Thành Đôn – Giám đốc, tham dự khóa đào tạo Quản trị tài chính dành cho cán bộ quản lý doanh nghiệp:

2. Ban Kiểm soát

2.1. *Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:* (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành.

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số lượng CP SH		Ghi chú
			Số lượng	Tỷ lệ	
1	Ông Nguyễn Công Luận	TB	0		
2	Ông Đỗ Anh Tuấn	TV	0		
3	Bà Yang xing Qiong	TV	0		

2.2. *Hoạt động của Ban kiểm soát:*

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông: BKS công ty thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và Pháp luật, kết quả giám sát năm 2015 như sau:

- Việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đã tuân thủ theo đúng Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đã được Ban Giám đốc Công ty triển khai thực hiện theo đúng yêu cầu.
- Các quyết định trong quản lý điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã thể hiện sự cẩn trọng cần thiết, hạn chế rủi ro, coi trọng tính hiệu quả, tuân thủ quy định của Công ty và pháp luật Nhà nước.
- Lãnh đạo Công ty cũng đã chú trọng thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn như: công tác thu hồi công nợ được quan tâm. Thực hiện trích lập quỹ dự phòng tài chính đầy đủ, đúng quy định.
- Các cổ đông công ty tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty về quyền và nghĩa vụ của các cổ đông.
- Việc tuyển dụng, sử dụng, điều chuyển lao động hợp lý, đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc trả lương, thưởng và sử dụng các quỹ thực hiện đảm bảo công bằng, minh bạch theo đúng các quy chế đã được phê duyệt. Lãnh đạo Công ty đã chú trọng thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật.
- Năm 2015, Ban kiểm soát Công ty tổ chức 03 cuộc họp, nội dung các cuộc họp và kết quả như sau:

Stt	Ngày họp/ ý kiến	Nội dung/KQ	
		Nội dung	Kết quả
1	06/4/2015	Thẩm định báo cáo tài chính Quý 1/2015 và triển khai công tác 2015	5/5 đồng ý
2	17/7/2015	Thẩm định báo cáo tài chính Quý 2/2015	5/5 đồng ý
3	16/10/2015	Thẩm định báo cáo tài chính Quý 3/2015	5/5 đồng ý

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Tên	Lương/ Thù lao	Thưởng	Tổng cộng	Ghi chú
I	Ban giám đốc				
1	Bùi Xuân Năng	359,892,839	20,000,000	379,892,839	
2	Nguyễn Thành Đôn	409,625,339	15,000,000	424,625,339	
3	Phạm Văn Tuynh	359,892,839	20,000,000	379,892,839	
II	Hội đồng quản trị				
1	Văn Tuấn Anh	415,077,753	25,000,000	440,077,753	
2	Cheung yipsang	24,000,000	10,000,000	34,000,000	
3	Liu yongxin Michael	24,000,000	10,000,000	34,000,000	
4	Nguyễn Thành Đôn			Như trên	
5	Vũ Văn Dũng	7,000,000	10,000,000	17,000,000	Miễn nhiệm 16/04/2015
	Nguyễn Đức Dân	17,000,000		17,000,000	Bổ nhiệm từ 16/04/2015
III	Ban kiểm soát				
1	Nguyễn Công Luận	24,000,000	10,000,000	34,000,000	
2	Yang Xing Qiong	18,000,000		18,000,000	
3	Đỗ Anh Tuấn	18,000,000		18,000,000	
	Tổng	1,676,488,770	120,000,000	1,796,488,770	

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ
1	Bùi Thị Thu Thùy	Chị gái của ông Bùi Xuân Năng – PGĐ	5000	0.003%	0	0

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã tuân thủ các quy định về quản trị Công ty. Trong năm, một cán bộ chủ chốt của Công ty đã tham gia khoa dự khóa đào tạo Quản trị tài chính dành cho cán bộ quản lý doanh nghiệp do Tổng công ty Khí tổ chức và một số các khóa tập huấn, phổ biến các nghị định, thông tư mới do UBCKNN, Sở giao

dịch CK Hà Nội tổ chức, tuy nhiên vì lý do bận công tác, một số cán bộ chủ chốt của Công ty chưa tham gia đủ các khóa tập huấn này.

VI. Báo cáo tài chính/

1. Ý kiến kiểm toán

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 24 tháng 02 năm 2016, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu đo gian lận hoặc nhầm lẫn

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính đo gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0030-2013-001-1

(đã ký)

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 24 tháng 02 năm 2016

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Vũ Mạnh Hùng


Kiểm toán viên

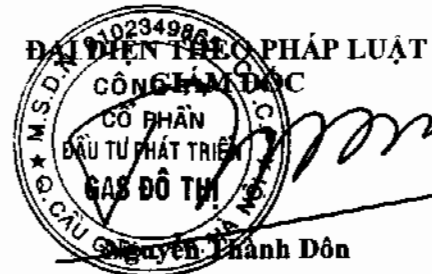
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 2737-2013-001-1

(đã ký)

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/ (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính ...) *Như bản đính kèm*

Nơi nhận:

- UBCKNN; 
- Sở GD&ĐT HN;
- HĐQT, BKS (báo cáo);
- Lưu VT. H.03.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIÊN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Văn Tuấn Anh	Chủ tịch
Ông Cheung Yipsang	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Văn Dũng	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Đức Dân	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Thành Đôn	Ủy viên
Ông Liu Yongxin Michael	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thành Đôn	Giám đốc
Ông Bùi Xuân Năng	Phó Giám đốc
Ông Phạm Văn Tuynh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC


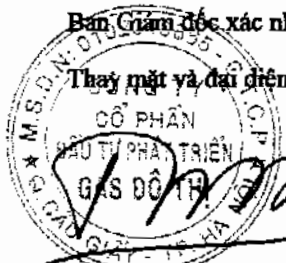
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Thành Đôn
Giám đốc

Ngày 24 tháng 02 năm 2016



Số: 003 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
 Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 02 năm 2016, từ trang 04 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Chí Dũng
 Phó Tổng Giám đốc
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
 số 0030-2013-001-1

Vũ Mạnh Hùng
 Kiểm toán viên
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
 số 2737-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho
 CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 24 tháng 02 năm 2016
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

Tầng 4, Tòa nhà Viện dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	
			31/12/2015	(Phần loại lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		324.038.519.730	328.727.476.335
L. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	99.463.918.126	93.701.993.997
1. Tiền	111		11.883.918.126	10.681.993.997
2. Các khoản tương đương tiền	112		87.580.000.000	83.020.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	90.846.488.596	93.091.515.486
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		90.846.488.596	93.091.515.486
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		117.983.167.167	118.142.314.465
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	113.964.167.380	114.637.358.270
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		700.701.303	617.882.621
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.319.167.721	3.031.583.015
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(869.237)	(146.520.041)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	2.010.600
IV. Hàng tồn kho	140	10	15.454.218.979	21.916.292.881
1. Hàng tồn kho	141		15.454.218.979	21.916.292.881
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		290.726.862	1.875.359.506
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	290.726.862	1.783.719.352
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	24.083.353
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	-	67.556.801
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		29.495.255.605	28.799.660.938
L. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.849.926.066	2.011.940.124
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	7.802.353.101	8.219.794.224
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	90.995.872	90.995.872
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	(6.043.422.907)	(6.298.849.972)
II. Tài sản cố định	220		9.085.087.848	3.149.498.827
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	8.957.474.945	2.957.385.924
- Nguyên giá	222		14.155.178.074	8.783.428.831
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.197.703.129)	(5.826.042.907)
2. Tài sản cố định vô hình	227		127.612.903	192.112.903
- Nguyên giá	228		428.280.000	428.280.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(300.667.097)	(236.167.097)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.432.247.830	8.946.268.312
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	2.432.247.830	8.946.268.312
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	408.438.645	547.601.496
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		408.438.645	547.601.496
V. Tài sản dài hạn khác	260		15.719.555.216	14.144.352.179
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	15.719.555.216	14.144.352.179
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		353.533.775.335	357.527.137.273

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	
			31/12/2015	(Phân loại lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		140.213.979.809	140.096.381.851
I. Nợ ngắn hạn	310		138.694.787.080	135.642.368.559
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	118.481.573.769	124.110.666.384
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.376.641.614	1.754.122.980
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	1.980.471.206	401.626.079
4. Phải trả người lao động	314		1.702.559.810	2.410.803.088
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	236.843.272	1.360.310.191
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		128.216.143	102.089.545
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	7.731.276.787	3.531.576.138
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	18	3.714.349.279	1.326.389.362
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.342.855.200	644.784.792
II. Nợ dài hạn	330		1.519.192.729	4.454.013.292
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	372.653.168
2. Phải trả dài hạn khác	337	17	66.214.307	22.590.000
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	18	1.452.978.422	4.058.770.124
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		213.319.795.526	217.430.755.422
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	213.319.795.526	217.430.755.422
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		188.700.000.000	188.700.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		188.700.000.000	188.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15.480.000.000	15.480.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.596.615.372	2.596.615.372
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		337.031.314	337.031.314
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.206.148.840	10.317.108.736
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		760.477.211	597.646.034
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		5.445.671.629	9.719.462.702
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		353.533.775.335	357.527.137.273



Nguyễn Thành Đôn
Giám đốc

Đặng Thái Hà
Kế toán trưởng

Phan Ngọc Lan
Người lập biểu

Ngày 24 tháng 02 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃ SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014 (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		663.001.342.760	853.272.177.100
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	21	663.001.342.760	853.272.177.100
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	636.807.817.440	823.259.890.362
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		26.193.525.320	30.012.286.738
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	8.838.746.655	11.014.497.334
7. Chi phí tài chính	22		891.000	4.094.304
8. Chi phí bán hàng	25	25	11.176.000.522	10.073.519.871
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	18.782.386.911	17.979.652.912
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		5.072.993.542	12.969.516.985
11. Thu nhập khác	31	26	2.099.440.229	502.130.743
12. Chi phí khác	32		19.008.606	725.911.334
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.080.431.623	(223.780.591)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		7.153.425.165	12.745.736.394
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	1.573.753.536	2.750.324.420
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	143.860.322
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		5.579.671.629	9.851.551.652
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	221	410



Nguyễn Thành Đơn
 Giám đốc

Đặng Thái Hà
 Kế toán trưởng

Phan Ngọc Lan
 Người lập biểu

Ngày 24 tháng 02 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

Tầng 4, Tòa nhà Viện dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	723.710.919.362	967.670.452.886
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(697.542.999.162)	(921.119.227.295)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(17.030.018.996)	(18.481.301.364)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.091.862.108)	(4.407.077.508)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.618.945.811	4.905.337.606
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(5.522.316.531)	(6.971.967.639)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.142.668.376	21.596.216.686
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.236.360.894)	(8.662.488.466)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(103.853.913.543)	(117.557.009.282)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	106.238.103.284	104.141.380.170
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.656.513.071	12.294.446.653
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	7.804.341.918	(9.783.670.925)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(7.263.815.905)	(11.953.806.797)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.263.815.905)	(11.953.806.797)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	5.683.194.389	(141.261.036)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	93.701.993.997	93.829.909.296
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	78.729.740	13.345.737
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	99.463.918.126	93.701.993.997



Nguyễn Thành Đôn
Giám đốc

Đặng Thái Hà
Kế toán trưởng

Phan Ngọc Lan
Người lập biểu

Ngày 24 tháng 02 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là "Công ty") hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 8 năm 2007, thay đổi lần thứ 13 ngày 13 tháng 01 năm 2015.

Vốn điều lệ của Công ty là 188.700.000.000 VND. Cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 29 tháng 12 năm 2010 với mã cổ phiếu là PCG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 103 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 122).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Tư vấn, thiết kế, đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy, thiết bị và các dịch vụ khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh gas;
- Tư vấn, lập dự án đầu tư, lắp đặt và vận hành hệ thống, thiết bị công nghệ phục vụ cung cấp, sản xuất khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME);
- Kinh doanh và vận chuyển qua mạng đường ống, xe bồn chuyên dụng, tàu hỏa chuyên dụng và các loại khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME); vận chuyển bình khí bằng xe tải;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất, phụ kiện ngành khí; kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, máy xây dựng; kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Xây dựng kho bãi, trạm chiết nạp phục vụ cho hoạt động kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME);
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp; chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME);
- Môi giới thương mại;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Đào tạo lao động phục vụ ngành khí (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: môi giới, định giá, tư vấn, đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản (không bao gồm hoạt động môi giới giá đất);
- Kinh doanh thiết bị chuyển đổi từ nhiên liệu xăng, diesel sang LPG, CNG, LNG;
- Dịch vụ tư vấn, thi công, lắp đặt, cung cấp thiết bị hệ thống điều hòa không khí, điện, nước, thang máy, trang trí nội ngoại thất, thiết bị phòng cháy, chữa cháy;
- Thi công, lắp đặt, đầu tư và vận hành hệ thống thiết bị cung cấp LPG cho khu đô thị, khu công nghiệp;
- Thiết kế, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế, lắp đặt thiết bị, công nghệ hệ thống thi công khí gas công trình xây dựng;
- Giám sát thi công, xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh gas dân dụng và công nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có một Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh - được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 4113029854 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 10 năm 2007, thay đổi lần 7 ngày 29 tháng 11 năm 2012.

Chi nhánh tại Vũng Tàu đã giải thể theo Nghị quyết số 01/KĐT-NQHQDT ngày 28 tháng 01 năm 2015 của Hội đồng quản trị.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được phân loại lại và trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 03 tháng kể từ ngày gửi, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn trong tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp hình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2015
	Số năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 15
Thiết bị văn phòng	3 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước (Tiếp theo)

Khoản trả trước tiền thuê văn phòng phản ánh chi phí thuê 508 m² văn phòng tại tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, Hà Nội. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 50 năm tính từ năm 2010. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu của hợp đồng xây dựng: Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho các cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, ứ đọng) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	580.117.407	246.652.985
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.303.800.719	10.435.341.012
Các khoản tương đương tiền (*)	87.580.000.000	83.020.000.000
	<u>99.463.918.126</u>	<u>93.701.993.997</u>

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh số dư tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng kể từ ngày gửi.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	<u>31/12/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	90.846.488.596	90.846.488.596	93.091.515.486	93.091.515.486
	<u>90.846.488.596</u>	<u>90.846.488.596</u>	<u>93.091.515.486</u>	<u>93.091.515.486</u>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	408.438.645	408.438.645	547.601.496	547.601.496
	<u>408.438.645</u>	<u>408.438.645</u>	<u>547.601.496</u>	<u>547.601.496</u>

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và thời hạn thu hồi dưới 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn thu hồi trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊTầng 4, Tòa nhà Viện dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	(Phân loại lại) VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
- Công ty TNHH Hướng Minh	6.598.358.952	14.540.219.450
- Công ty TNHH MTV Gas Venus	11.435.758.555	16.176.299.950
- Công ty Cổ phần Nam Bạch Đằng	14.848.131.177	6.099.434.374
- Các khoản phải thu khách hàng khác	81.081.918.696	77.821.404.496
	113.964.167.380	114.637.358.270
b. Phải thu dài hạn của khách hàng		
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khí đốt Nam Việt	2.390.138.917	2.390.138.917
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Hà Nội	819.102.549	819.102.549
- Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	4.035.416.998	4.955.416.998
- Các khoản phải thu khách hàng khác	557.694.637	55.135.760
	7.802.353.101	8.219.794.224

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	(Phân loại lại) VND
a. Ngắn hạn		
- Lãi dự thu	1.975.770.720	878.417.706
- Tạm ứng	949.219.752	1.094.764.800
- Các khoản phải thu khác	394.177.249	1.058.400.509
	3.319.167.721	3.031.583.015
b. Dài hạn		
- Ký cược, ký quỹ	90.995.872	90.995.872
	90.995.872	90.995.872

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊTầng 4, Tòa nhà Viện dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. NỢ XẤU

Đối tượng	31/12/2015			31/12/2014		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
	VND	VND	(tháng)	VND	VND	(tháng)
Phải thu, cho vay quá hạn	7.805.250.558	1.760.958.414		8.708.194.359	2.262.824.346	
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	4.035.416.998	1.210.625.099	49	4.955.416.998	1.483.825.099	37
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Khí đốt Nam Việt	2.390.138.917	-	59	2.390.138.917	-	47
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Hà Nội	819.102.549	245.730.765	34	819.102.549	409.551.274	22
Các đối tượng khác	560.592.094	304.602.550		543.535.895	369.447.973	

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.268.371.365	-	8.890.319.761	-
Công cụ, dụng cụ	19.051.112	-	64.472.474	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.937.034.596	-	10.823.951.574	-
Hàng hoá	2.229.761.906	-	2.137.549.072	-
Cộng	15.454.218.979	-	21.916.292.881	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	18.681.599	50.643.675
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	272.045.263	1.733.075.677
	290.726.862	1.783.719.352
b) Dài hạn		
Tiền thuê văn phòng tại Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam	15.590.788.256	13.767.877.656
Chi phí trả trước dài hạn khác	128.766.960	376.474.523
	15.719.555.216	14.144.352.179

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	222.458.772	1.494.762.818	138.307.899	6.927.899.342	8.783.428.831
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	7.815.320.333	7.815.320.333
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(41.788.809)	-	(41.788.809)
Phân loại sang công cụ, dụng cụ	-	-	-	(2.401.782.281)	(2.401.782.281)
Tại ngày 31/12/2015	222.458.772	1.494.762.818	96.519.090	12.341.437.394	14.155.178.074
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	221.823.708	1.494.762.818	113.451.689	3.996.004.692	5.826.042.907
Trích khấu hao trong năm	635.064	-	11.290.000	1.099.707.217	1.111.632.281
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(41.788.809)	-	(41.788.809)
Phân loại sang công cụ, dụng cụ	-	-	-	(1.698.183.250)	(1.698.183.250)
Tại ngày 31/12/2015	222.458.772	1.494.762.818	82.952.880	3.397.528.659	5.197.703.129
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2015	-	-	13.566.210	8.943.908.735	8.957.474.945
Tại ngày 31/12/2014	635.064	-	24.856.210	2.931.894.650	2.957.385.924

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với số tiền là 3.133.439.431 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 2.972.056.407 VND).

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Trạm cấp gas cho Khu đô thị Vĩnh Diễm Trung - Nha Trang	45.500.000	3.649.806.846
Trạm cấp gas Phú Mỹ Hưng	1.295.163.067	1.295.163.067
Trạm gas trung tâm Dự án Yên Hòa	-	523.248.888
Trạm gas trung tâm Dự án CT1, CT2 Ngô Thị Nhậm - Hà Đông	434.383.107	400.068.561
Trạm gas trung tâm Dự án Dương Nội	-	1.838.455.992
Khác	657.201.656	1.239.524.958
	2.432.247.830	8.946.268.312

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	110.703.264.923	111.770.173.821
Các đối tượng khác	7.778.308.846	12.340.492.563
	<u>118.481.573.769</u>	<u>124.110.666.384</u>
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan (Được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 30)	<u>113.451.899.887</u>	<u>117.731.614.599</u>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	31/12/2014	Phát sinh trong năm		31/12/2015
		Số phải nộp	Số đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	381.250.051	2.951.751.940	1.829.572.212	1.503.429.779
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(67.556.801)	1.584.500.002	1.091.862.108	425.081.093
Thuế thu nhập cá nhân	20.376.028	326.088.869	294.504.563	51.960.334
Thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
Cộng	<u>334.069.278</u>	<u>4.868.340.811</u>	<u>3.221.938.883</u>	<u>1.980.471.206</u>
Trong đó:				
<i>Các khoản khác phải thu nhà nước</i>	<i>67.556.801</i>			<i>-</i>
<i>Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</i>	<i>401.626.079</i>			<i>1.980.471.206</i>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí dự án	10.000.000	566.805.678
Chi phí phải trả khác	226.843.272	793.504.513
	<u>236.843.272</u>	<u>1.360.310.191</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊTầng 4, Tòa nhà Viện dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	(Phần loại lại) VND
a) Ngắn hạn		
Vay mượn LPG	5.387.672.546	-
Phải trả cổ tức	1.395.655.285	1.118.294.205
Kinh phí công đoàn	183.648.013	193.805.987
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	359.924.000	568.766.719
Phải trả các tổ đội thi công	200.999.352	1.360.329.934
Các khoản khác	203.377.591	290.379.293
	<u>7.731.276.787</u>	<u>3.531.576.138</u>
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	66.214.307	22.590.000
	<u>66.214.307</u>	<u>22.590.000</u>

18. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

	<u>Dự phòng bảo hành sản phẩm</u>
	VND
Tại ngày 01/01/2015	5.385.159.486
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	2.167.698.984
Hoàn nhập dự phòng	(1.976.895.223)
Các khoản dự phòng đã sử dụng	(408.635.546)
Tại ngày 31/12/2015	<u>5.167.327.701</u>
	<u>31/12/2015</u>
	VND
Chi tiết:	
- Nợ ngắn hạn	3.714.349.279
- Nợ dài hạn	1.452.978.422
	<u>5.167.327.701</u>

Dự phòng bảo hành công trình là ước tính chính xác nhất của Ban Giám đốc về khoản nợ phải trả cho thời hạn bảo hành Công ty áp dụng đối với các công trình xây dựng dựa trên cơ sở thống kê của Công ty về xác suất các công trình xây dựng phát sinh lỗi phải bảo hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	188.700.000.000	15.480.000.000	337.031.314	1.790.614.594	806.000.778	14.019.248.503	221.132.895.189
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	9.851.551.652	9.851.551.652
Các khoản tăng khác	-	-	-	-	-	5.808.581	5.808.581
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.162.000.000)	(1.162.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(12.265.500.000)	(12.265.500.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(132.000.000)	(132.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2014	188.700.000.000	15.480.000.000	337.031.314	1.790.614.594	806.000.778	10.317.108.736	217.430.755.422
Phân loại lại theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC	-	-	-	(1.790.614.594)	1.790.614.594	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2015	188.700.000.000	15.480.000.000	337.031.314	-	2.596.615.372	10.317.108.736	217.430.755.422
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	5.579.671.629	5.579.671.629
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	(1.968.087.367)	(1.968.087.367)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	-	(7.548.000.000)	(7.548.000.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị (i)	-	-	-	-	-	(132.000.000)	(132.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(42.544.158)	(42.544.158)
Số dư tại ngày 31/12/2015	188.700.000.000	15.480.000.000	337.031.314	-	2.596.615.372	6.206.148.840	213.319.795.526

(i) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01/NQ-DHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 16 tháng 4 năm 2015, trong đó chia cổ tức cho các cổ đông với số tiền 7.548.000.000 VND và trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 1.968.087.367 VND.

Ban Giám đốc Công ty quyết định trích các khoản thù lao Hội đồng Quản trị từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết số 01/NQ-DHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 16 tháng 4 năm 2015. Ban Giám đốc tin tưởng rằng, việc trích như trên sẽ phản ánh đúng tình hình hoạt động thực tế của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊTầng 4, Tòa nhà Viện dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) Cổ phiếu phổ thông	18.870.000	18.870.000
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ		
+) Cổ phiếu phổ thông	-	-
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) Cổ phiếu phổ thông	18.870.000	18.870.000
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 188.700.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp đủ. Cụ thể như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 13 tháng 01 năm 2015		Vốn đã góp 31/12/2015	Vốn đã góp 31/12/2014
	VND	%	VND	VND
ENN Energy	82.820.000.000	43,89%	82.820.000.000	82.820.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	7.500.000.000	3,97%	7.500.000.000	7.500.000.000
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	67.000.000.000	35,51%	67.000.000.000	67.000.000.000
Các cổ đông phổ thông khác	31.380.000.000	16,63%	31.380.000.000	31.380.000.000
	<u>188.700.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>188.700.000.000</u>	<u>188.700.000.000</u>

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh các sản phẩm gas. Các hoạt động liên quan đến xây lắp và cung cấp dịch vụ khác cũng là để phục vụ cho việc kinh doanh các sản phẩm gas. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh các sản phẩm gas, xây lắp và cung cấp dịch vụ có liên quan.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. DOANH THU

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	663.001.342.760	853.272.177.100
Doanh thu bán hàng hóa	636.491.904.170	802.942.819.918
Doanh thu hợp đồng xây dựng	23.093.961.319	46.032.172.334
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.415.477.271	4.297.184.848
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Giảm giá hàng bán	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	663.001.342.760	853.272.177.100

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa	614.632.269.531	782.554.207.079
Giá vốn hoạt động xây dựng	19.658.575.486	37.471.653.277
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.516.972.423	3.234.030.006
	636.807.817.440	823.259.890.362

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.753.866.084	11.000.077.993
Lãi chênh lệch tỷ giá	84.880.571	14.419.341
	8.838.746.655	11.014.497.334

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp	6.464.895.138	12.487.552.612
Chi phí nhân công	20.063.751.117	23.761.663.338
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.176.132.281	1.367.556.246
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.796.364.397	19.923.757.328
	46.501.142.933	57.540.529.524

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
- Chi phí nhân viên	2.893.031.462	2.705.927.346
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.997.306.961	6.304.822.332
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	816.796.949	770.284.865
- Các khoản chi phí bán hàng khác	468.865.150	292.485.328
	<u>11.176.000.522</u>	<u>10.073.519.871</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
- Chi phí nhân viên	12.520.351.909	11.908.262.157
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.062.365.197	6.573.075.401
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	330.529.770	535.278.100
- Hoàn nhập các khoản dự phòng	(401.077.869)	(1.349.816.211)
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	270.217.904	312.853.465
	<u>18.782.386.911</u>	<u>17.979.652.912</u>

26. THU NHẬP KHÁC

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Hoàn nhập chi phí bảo hành	1.976.895.223	347.520.815
Thu nhập khác	122.545.006	154.609.928
	<u>2.099.440.229</u>	<u>502.130.743</u>

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	7.153.425.165	12.745.736.394
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Chênh lệch doanh thu tính thuế	-	(575.441.287)
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	-	301.109.285
Thu nhập chịu thuế	7.153.425.165	12.471.404.392
Thuế suất	22%	22%
Điều chỉnh theo Biên bản thanh tra thuế	-	6.615.454
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>1.573.753.536</u>	<u>2.750.324.420</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2015	2014
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.579.671.629	9.851.551.652
Trừ: Quỹ Khen thưởng phúc lợi tạm trích	(1.162.000.000)	(1.968.087.367)
Trừ: Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị	(132.000.000)	(132.000.000)
Trừ: Giảm khác (i)	(121.273.898)	(13.345.737)
Cộng: Tăng khác	-	5.808.581
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.164.397.731	7.743.927.129
Cổ phiếu bình quân đang lưu hành trong năm	18.870.000	18.870.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	221	410

- (i) Giảm khác phản ánh ảnh hưởng do thay đổi tỷ giá bởi đoái quy đổi ngoại tệ và các khoản điều chỉnh tiền thuế nộp trong năm.

Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm hoạt động kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được trình bày lại để phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	612.945.368	598.184.033

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.983.032.444	3.191.891.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	8.769.745.112	10.658.150.445
Sau năm năm	-	1.094.627.111
	11.752.777.556	14.944.668.556

Khoản thanh toán thuê hoạt động phản ánh số tiền thuê 508 m² diện tích văn phòng tại tầng 4, Tòa nhà Viện dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, Hà Nội. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 50 năm tính từ năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊTầng 4, Tòa nhà Viện dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND	31/12/2014 (Phân loại lại) VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	99.463.918.126	93.701.993.997
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	91.254.927.241	93.639.116.982
Phải thu khách hàng và phải thu khác	118.183.172.178	118.438.610.181
Tổng cộng	308.902.017.545	305.779.721.160
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	126.095.416.850	127.471.026.535
Chi phí phải trả	236.843.272	1.360.310.191
Tổng cộng	126.332.260.122	128.831.336.726

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊTầng 4, Tòa nhà Viện dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có thay đổi về giá trong tương lai.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	99.463.918.126	-	99.463.918.126
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	90.846.488.596	408.438.645	91.254.927.241
Phải thu khách hàng và phải thu khác	116.333.246.112	1.849.926.066	118.183.172.178
Tổng cộng	306.643.652.834	2.258.364.711	308.902.017.545
31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	126.029.202.543	66.214.307	126.095.416.850
Chi phí phải trả	236.843.272	-	236.843.272
Tổng cộng	126.266.045.815	66.214.307	126.332.260.122
Chênh lệch thanh khoản thuần	180.377.607.019	2.192.150.404	182.569.757.423

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊTầng 4, Tòa nhà Viện dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

31/12/2014 (Phân loại lại)	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	93.701.993.997	-	93.701.993.997
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	93.091.515.486	547.601.496	93.639.116.982
Phải thu khách hàng và phải thu khác	116.426.670.057	2.011.940.124	118.438.610.181
Tổng cộng	303.220.179.540	2.559.541.620	305.779.721.160

31/12/2014 (Phân loại lại)	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	127.448.436.535	22.590.000	127.471.026.535
Chi phí phải trả	1.360.310.191	-	1.360.310.191
Tổng cộng	128.808.746.726	22.590.000	128.831.336.726

Cênh lệch thanh khoản thuần	174.411.432.814	2.536.951.620	176.948.384.434
------------------------------------	------------------------	----------------------	------------------------

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan:****Bên liên quan**

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần
 Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc
 Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Hà Nội
 Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần -
 Công ty Kinh doanh sản phẩm khí
 Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông
 Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung
 Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam
 Viện Dầu khí Việt Nam
 Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí

Mối quan hệ

Chủ sở hữu
 Công ty trong cùng Tập đoàn
 Công ty trong cùng Tập đoàn
 Công ty trong cùng Tập đoàn
 Công ty trong cùng Tập đoàn
 Công ty trong cùng Tập đoàn
 Công ty trong cùng Tập đoàn
 Công ty trong cùng Tập đoàn
 Công ty trong cùng Tập đoàn

 25
 G
 MI
 01
 N
 -T-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊTầng 4, Tòa nhà Viện dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2015	2014
	VND	VND
Mua hàng	596.433.520.576	764.704.229.296
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	23.741.446.856	55.702.844.202
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hoá lỏng Miền Nam tại Cần Thơ	122.977.636	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hoá lỏng Miền Nam tại Nha Trang	448.557.620	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	-	17.192.166
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Hà Nội	1.284.361.318	1.320.860.755
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí	565.534.979.115	704.238.351.768
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	1.774.998.182	2.308.049.091
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	969.090.312	1.071.799.415
Viện Dầu khí Việt Nam	2.557.109.536	45.131.899

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải trả người bán	113.451.899.887	117.731.614.599
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	2.132.592.700	4.592.759.772
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hoá lỏng Miền Nam tại Cần Thơ	19.170.900	10.519.605
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hoá lỏng Miền Nam tại Nha Trang	46.180.602	26.241.625
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Hà Nội	119.524.800	96.645.000
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí	110.703.264.923	111.770.173.821
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	178.788.000	179.004.000
Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	2.370.484	2.941.755
Viện Dầu khí Việt Nam	28.316.992	831.638.535
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí	221.690.486	221.690.486
Phải trả khác		
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí	5.381.875.800	-

Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị

	2015	2014
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.664.488.770	1.306.050.184
Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị	132.000.000	132.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊTầng 4, Tòa nhà Viện dầu khí Việt Nam, số 167 Trung
Kính, Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***31. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty đã được phân loại lại và trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay. Cụ thể như sau:

Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC			Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Tên chi tiêu	Mã số	Số tiền (VND)	Tên chi tiêu	Mã số	Số tiền (VND)	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014						
I. Tài sản			I. Tài sản			
1. Phải thu khách hàng	131	122.857.152.494	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	114.637.358.270	Phân loại lại và đổi tên
2. Các khoản phải thu khác	135	1.936.818.215	2. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	8.219.794.224	Phân loại lại
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(6.445.370.013)	3. Phải thu ngắn hạn khác	136	1.936.818.215	Phân loại lại và đổi mã số
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	1.109.275.400	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(146.520.041)	Phân loại lại và đổi mã số
5. Tài sản dài hạn khác	268	78.495.872	6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	(6.298.849.972)	Phân loại lại
			7. Phải thu ngắn hạn khác	136	1.094.764.800	Phân loại lại
			8. Phải thu dài hạn khác	216	12.500.000	Phân loại lại
			9. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	2.010.600	Phân loại lại
			10. Phải thu dài hạn khác	216	78.495.872	Phân loại lại

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

Tầng 4, Tòa nhà Viện dầu khí Việt Nam, số 167 Trưng
Kính, Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

31. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC			Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Tên chỉ tiêu	Mã số	Số tiền (VND)	Tên chỉ tiêu	Mã số	Số tiền (VND)	
II. Nguồn vốn			II. Nguồn vốn			
1. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	3.531.876.138	1. Phải trả ngắn hạn khác	319	3.531.576.138	Phân loại lại
			2. Phải trả dài hạn khác	337	300.000	Phân loại lại
2. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	5.385.159.486	3. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	1.326.389.362	Phân loại lại
			4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	4.058.770.124	Phân loại lại
3. Doanh thu chưa thực hiện	335	474.742.713	5. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	372.653.168	Phân loại lại và đổi mã số
			6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	102.089.545	Phân loại lại
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	806.000.778	7. Quỹ đầu tư phát triển	418	2.596.615.372	Phân loại lại và đổi mã số
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	1.790.614.594	<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>			

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	515	1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	410	Trình bày lại
-----------------------------	----	-----	-----------------------------	----	-----	---------------



Nguyễn Thành Đơn
Giám đốc

Ngày 24 tháng 02 năm 2016

Đặng Thái Hà
Kế toán trưởng

Phan Ngọc Lan
Người lập biểu